

Bản án số: 290/2024/HS-PT
Ngày: 28-6-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Thi
Các Thẩm phán: Ông Đặng Kim Nhân
Ông Trần Quốc Cường

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Trang, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Thế Vinh, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 186/2024/TLPT-HS ngày 11 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo Trần Ngọc P về tội “*Giết người*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2024/HS-ST ngày 05/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Ngọc P, sinh năm 1997, tại Khánh Hòa; nơi cư trú: P, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 07/12; con ông Trần Hữu S (1974) và bà Ngô Thị T (1978); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, có mặt.

- **Người bào chữa theo yêu cầu của bị cáo:** Ông Nguyễn Hữu P1, Luật sư Văn phòng L1, Đoàn luật sư thành phố Đ; địa chỉ: F H, quận H, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Lê Hữu Đ, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

2. Bà Võ Thị T1, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Đ, bà T1: Luật sư Trần Thị Như T2 - Văn phòng L2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh P, có mặt.

- Người làm chứng:

1. Chị Lê Thị D, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

2. Ông Trần Hữu S, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn P, xã V, V, Khánh Hòa, có mặt.

3. Bà Ngô Thị T, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

4. Anh Văn Ngọc T3, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

5. Ông Phạm Thế V, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

6. Ông Văn Tấn D1, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

7. Ông Nguyễn T4, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

8. Bà Võ Thị L, sinh năm 1954; địa chỉ: Hội K, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Nhà bà Võ Thị T1 và nhà vợ chồng ông Trần Hữu S, bà Ngô Thị T ở sát cạnh nhau tại thôn P, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

Khoảng 05 giờ 45 phút ngày 20/11/2021, bà T1 và vợ chồng ông S, bà T tranh cãi nhau trong việc đổ rác. Lúc này bà T1, D đứng trong sân nhà chửi nhau với ông S, bà T, P đang đứng ngoài đường trước nhà bà T1, sau đó, bà T1, D, bà T, P có nhặt đá ném qua lại. Diễm nhật 01 cục đá kích thước (17 x 9 x 6)cm ném ra không trúng ai thì P nhặt cục đá này ném vô lại trúng vào mặt bên trái của bà T1 gây thương tích. Thấy vậy, D chạy vô trong nhà gọi Đ thì Đ lấy 01 con dao bấm chạy ra, còn ông S và P cũng chạy vô nhà, ông S lấy 01 cây búa, P lấy 01 con dao Thái

Lan cán vàng ra đứng trước nhà bà T1. Khi Đ cầm dao chạy ra thì bị ông S cầm búa đánh 01 cái trúng vào tay nên Đ bỏ đi vô nhà. Thấy vậy, P từ phía sau cầm dao Thái Lan đuổi theo đâm 01 nhát vào vùng lưng bên trái của Đ nên Đ bỏ chạy vào nhà. Sau đó, bà T1 và Đ được đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện V và Bệnh viện Đa khoa tỉnh K đến ngày 23/11/2023 thì cả hai xuất viện.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 386 ngày 10/12/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh K về thương tích của Lê Hữu Đ: 01 sẹo kích thước trung bình vùng lưng trái (sẹo vết thương), tỷ lệ thương tật **02%**; Gãy xương sườn số 10 bên trái, tỷ lệ thương tật **02%**; Tổn thương màng phổi trái, tỷ lệ thương tật **04%**. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của Lê Hữu Đ là **08%**.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 387 ngày 15/12/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh K về thương tích của Võ Thị T1: 01 sẹo kích thước nhỏ gò má trái, tỷ lệ thương tật **03%**; Gãy cung gò má trái, tỷ lệ thương tật **10%**; Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của Võ Thị T1 là **13%**.

Kết luận giám định số 836/C09B ngày 27/01/2022 của Phân viện Khoa học hình sự Thành phố H - Bộ C kết luận: Dấu vết trên con dao mà Trần Ngọc P giao nộp là máu người. Phân tích AND từ dấu vết máu này được một kiểu gen nam giới hoàn chỉnh, trùng với kiểu gen của Lê Hữu Đ.

Kết luận giám định số 849 ngày 23/02/2022 của Phân viện Khoa học hình sự Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ C kết luận: Trên cán dao nhựa màu vàng gửi tới giám định phát hiện được một dấu vết đường vân trên lưỡi dao, nhưng dấu vết đường vân không đủ yếu tố giám định truy nguyên.

Từ những nội dung đã được xác định nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2024/HSST ngày 05/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; Điều 15; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 57 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Ngọc P.

Áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 590 của Bộ luật dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Xử phạt bị cáo Trần Ngọc P 10 (mười) năm tù về tội “*Giết người*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án

Về trách nhiệm bồi thường dân sự cho anh Đ, gồm các khoản sau:

- Chi phí điều trị có hóa đơn là 9.055.000đ; chi phí bồi dưỡng hồi phục sức khỏe là 5.000.000đ; tổn thất tinh thần là 14.900.000đ; tiền công người chăm sóc 15 ngày x 300.000đ/ngày = 4.500.000đ:

- Chi phí đi lại khám bệnh là 4.000.000đ:

- Tiền mất thu nhập là 60 ngày x 300.000đ/ngày = 18.000.000đ:

Như vậy, tổng số tiền bị cáo Trần Ngọc P phải bồi thường cho anh Lê Hữu Đ là 35.445.000đ (*ba mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024, bị cáo Trần Ngọc P có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo cho rằng bị cáo bị oan, không có hành vi dùng dao đâm bị hại Đ, không chấp nhận bồi thường thiệt hại cho anh Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Hữu P1 bào chữa của cho bị cáo, cho rằng: Bị cáo Trần Ngọc P không có hành vi phạm tội đối với bị hại Đ, các chứng cứ đã thu thập không thể hiện bị cáo đã dùng dao đâm vào người anh Đ, việc giám định vết máu trên con dao đã qua hơn 02 tháng, việc giám định kết luận máu của anh Đ trên con dao là không có cơ sở, lời nhận tội của bị cáo là do bị ép cung, một số tài liệu, chứng cứ thu thập không đảm bảo và không đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, do đó, Luật sư đề nghị hủy Bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc P, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và người bào chữa của bị cáo cho rằng bị cán bộ điều tra ép cung nên mới nhận tội, việc thu thập tài liệu, chứng cứ và giám định vết máu không đúng nhưng không đưa ra được chứng cứ, tài liệu gì để chứng minh, quá trình điều tra, xét xử bị cáo chưa có lần nào có khiếu nại về hoạt động điều tra, do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về các nội dung liên quan tố tụng.

- Kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Tóm tắt hành vi phạm tội: Xuất phát từ những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống giữa 02 gia đình ông S với gia đình bà V1, khoảng 05 giờ 45 phút ngày 20/11/2021 giữa hai gia đình có lời qua, tiếng lại và có những hành vi xâu ầu đánh nhau, theo nội dung Bản án sơ thẩm, bị cáo Trần Ngọc P đã có hành vi liên tiếp dùng các loại hung khí là đá và dao tấn công vào các vùng trọng yếu trên cơ thể của bà T1 và anh Đ con của bà T1, bị cáo P đã dùng hòn đá có kích thước 17cm x 9cm x 6cm, đứng cách bà T1 khoảng 3m đến 4m, nhằm vào vùng đầu, mặt của bà T1 để ném mạnh, hậu quả làm bà T1 bị gãy cung gò má trái, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 13%; tiếp đó, bị cáo P đã dùng con dao Thái Lan, có cán nhựa màu vàng, đâm vào vùng lưng hông trái của anh Đ, làm anh Đ bị gãy xương sườn số 10 bên trái, tổn thương màng phổi, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 08%. Các hành vi nêu trên của bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử về tội “Giết người”, đã áp dụng các tình tiết tăng nặng định khung “*Giết 02 người trở lên*” và “*Có tính chất côn đồ*” quy định tại điểm a, điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Ngọc P 10 (mười) năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Xem xét kháng cáo kêu oan của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.2.1] Hành vi của bị cáo đối với bà T1: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trần Ngọc P có đơn kháng cáo cho rằng hành vi dùng đá ném vào mặt của bà Võ Thị T1, làm gãy cung gò má, tổng tỷ lệ thương tích là 13%, chỉ là hành vi cố ý gây thương tích, không phải giết người, xét thấy: Hành vi dùng đá là vật cứng để làm hung khí, dùng lực tác động mạnh như ném, đánh vào đầu, mặt là vùng hiểm yếu của con người, gây ra chấn thương, nếu không được cứu chữa kịp thời có khả năng dẫn đến chết người thì được xác định là hành vi giết người. Cụ thể trong vụ án này, bị cáo Trần Ngọc P đã có hành vi dùng viên đá có kích thước 9cm x 6cm, đứng cách bà T1 khoảng 3m đến 4m, nhằm vào vùng đầu bà T1 để ném với cường độ mạnh, làm gãy cung gò má trái ở vùng đầu mặt, gây tổn hại sức khỏe cho bà T1 tỉ lệ là 13%, tại Bản án sơ thẩm xác định và xét xử bị cáo về hành vi giết người là có căn cứ. Bị cáo Trần Ngọc P và các Luật sư bào chữa cho rằng bị cáo chỉ có hành vi gây thương tích cho bà T1 là không đúng.

[2.2.2] Hành vi của bị cáo đối với bị hại Lê Hữu Đ: Bị cáo Trần Ngọc P cho rằng bị cáo không có hành vi dùng dao đâm bị hại Đ. Xét thấy:

- Kết quả quá trình điều tra tại Cơ quan điều tra Công an huyện V: Sự việc xảy ra vào khoảng thời gian từ 05h45 đến 06h00 ngày 20/11/2021, tại các bản tự khai,

các Biên bản ghi lời khai của bị cáo trong khoảng thời gian từ 07h30 đến 10h30 cùng ngày, bị cáo đều thừa nhận là người đã sử dụng con dao Thái Lan, có cán nhựa màu vàng đâm vào vùng lưng trái của anh Đ; lời khai của người làm chứng anh Văn Ngọc T3 có trong hồ sơ và tại phiên tòa đều xác định đã chứng kiến bị cáo là người dùng dao đâm anh Đ vào lưng; tại Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật được lập lúc 09h30 ngày 20/11/2021, thể hiện nội dung bị cáo tự nguyện giao nộp một con dao đã gây án và thừa nhận đã sử dụng con dao này để đâm anh Đ trước đó.

- Xem xét Biên bản về việc cho bị cáo xác định nội dung, hình ảnh camera vào ngày 18/7/2023. Bị cáo P đã xác nhận lại toàn bộ diễn biến do camera ghi lại, bị cáo đã xác nhận là đúng, từ lúc xảy ra sự việc vào khoảng 5h45 phút đến 6h ngày 20/11/2021, tại hiện trường vụ án chỉ có ông S (bố của bị cáo), anh Đạt bị hại, bị cáo P, bà T và bà V1, về sử dụng hung khí, ông S đang cầm một cái búa, bị hại Đ cầm một con dao bấm, bị cáo cầm con dao Thái Lan có cán màu vàng, sau khi đâm anh Đ, bị cáo đã cất dao vào túi quần bên phải (*Bút lục số 424*).

- Tại Kết luận giám định số 836/C09B ngày 27/01/2022 của Phân viện Khoa học hình sự Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ C kết luận: *“Dấu vết trên con dao mà Trần Ngọc P giao nộp là máu người. Phân tích AND từ dấu vết máu này được một kiểu gen nam giới hoàn chỉnh, trùng với kiểu gen của Lê Hữu Đ...”*. Bị cáo và Luật sư bào chữa của bị cáo cho rằng Kết luận giám định nói trên không khách quan, nhưng không khiếu nại cũng như đưa ra bằng chứng gì để chứng minh, nên việc cho rằng Kết luận giám định nói trên không khách quan là không có cơ sở.

- Tại Biên bản ngày 18/7/2023 do Kiểm sát viên hỏi cung đối với bị cáo Trần Ngọc P, có Luật sư Nguyễn Văn T5 tham gia, bị cáo khai *“Ngoài viên đá bị can sử dụng để ném bà Võ Thị T1 gây thương tích thì tôi còn cầm 01 con dao Thái Lan cán vàng nhưng tôi không có gây thương tích cho ai.”*.

- Lời khai của bị cáo còn thể hiện: *“Sau khi tôi dùng đá ném trúng bà T1 thì có Lê Hữu Đ là con trai bà T1 có cầm 01 con dao bấm màu đen ra định đánh nhau với ông S cha tôi, tôi cũng có lấy 01 con dao từ từ trong túi quần ra cầm trên tay phải mục đích là để bảo vệ cho cha tôi, Đ thấy tôi cũng có cầm dao nhưng được can ngăn thì cả 02 bên không xảy ra đánh nhau”* (*Bút lục số 421*).

- Tại Biên bản giao nhận Cáo trạng số 48 ngày 20/7/2022 bị cáo Trần Ngọc P không có ý kiến gì về nội dung của Bản cáo trạng (Đang truy tố bị cáo về hành vi cố ý gây thương tích), (*Bút lục số 260*).

- Bên cạnh đó, lời khai của bị hại Đ, lời khai của những người làm chứng và của chính bị cáo đều thể hiện khi bị ông Trần Hữu S dùng búa đánh vào tay thì anh Đ quay người đi về nhà của mình, lúc này anh Đ quay lưng lại phía ông S và bị

cáo. Như vậy, từ các chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở để xác định bị cáo là người đã sử dụng con dao Thái Lan đâm vào vùng lưng trái của anh Lê Hữu Đ. Tuy bị cáo không thừa nhận hành vi dùng dao tấn công anh Lê Hữu Đ nhưng theo các chứng cứ, tài liệu nêu trên, lời khai nhận ban đầu của bị cáo, lời khai trong suốt quá trình điều tra của các bị hại, lời khai của một số người làm chứng; kết quả giám định vết máu trên con dao là của bị hại, tại Bản án sơ thẩm xác định và kết luận chính bị cáo P đã thực hiện hành vi dùng con dao trực tiếp gây thương tích cho anh Đ là có cơ sở. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo.

Hành vi của bị cáo thể hiện tính côn đồ, hung hãn, phạm tội đối với nhiều người, ý thức xem thường pháp luật, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; Điều 15; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 57 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 10 (*mười*) năm tù về tội “*Giết người*” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[3]. Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với việc bồi thường thiệt hại cho bà T1, bị cáo không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với việc bồi thường thiệt hại cho anh Đ, bị cáo cho rằng, do không gây tổn hại cho anh Đ nên bị cáo không chấp nhận bồi thường, xét thấy, như nhận định về hành vi phạm tội của bị cáo đối với anh Đ đã phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Đ là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử, buộc bị cáo P phải bồi thường cho anh Đ các khoản sau:

- Chi phí điều trị có hóa đơn là 9.055.000đ; chi phí bồi dưỡng hồi phục sức khỏe là 5.000.000đ; tổn thất tinh thần là 14.900.000đ; tiền công người chăm sóc 15 ngày x 300.000đ/ngày = 4.500.000đ.

- Chi phí đi lại khám bệnh là 4.000.000đ.

- Tiền mất thu nhập là 60 ngày x 300.000đ/ngày = 18.000.000đ.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo Trần Ngọc P phải bồi thường cho anh Lê Hữu Đ là 35.445.000đ (*ba mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*).

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên về tội danh và trách nhiệm bồi thường dân sự đối với anh Đ tại Bản án hình sự sơ thẩm.

[4]. Các quyết định khác về bồi thường dân sự cho bà T1; xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí phúc thẩm hình sự: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc P, giữ nguyên tội danh tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2024/HSST ngày 05/3/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đối với bị cáo Trần Ngọc P.

2. Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 123; Điều 15; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 57 của Bộ luật hình sự; áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 590 của Bộ luật dân sự.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc P 10 (mười) năm tù về tội “*Giết người*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Ngọc P phải bồi thường cho anh Lê Hữu Đ số tiền là 35.445.000đ (*ba mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các quyết định khác về bồi thường dân sự cho bà T1; xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Ngọc P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao – Vụ 1;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa (03);
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Công an tỉnh Khánh Hòa (03);
- Bị cáo;
- Đường sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi